

TỈNH ỦY HÀ TĨNH**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*

PHỤ LỤC PHÂN BỐ ĐẠI BIỂU**ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XX, NHIỆM KỲ 2025-2030**

TT	Tên đảng bộ trực thuộc	Đại biểu đương nhiên	Đại biểu phân bổ theo đơn vị trực thuộc	Đơn vị không có đại biểu đương nhiên và địa phương, ngành, lĩnh vực đặc thù	Đại biểu được phân bổ theo tỷ lệ Đảng viên	Tổng số đại biểu
1	Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh	22	2	26	1	51
2	Đảng bộ UBND tỉnh	14	2	30	8	54
3	Đảng bộ Công an tỉnh	1	2	3	2	8
4	Đảng bộ Quân sự tỉnh	2	2	3	3	10
5	Đảng bộ phường Thành Sen	1	2		8	11
6	Đảng bộ phường Trần Phú		2		2	4
7	Đảng bộ phường Hà Huy Tập		2		2	4
8	Đảng bộ phường Sông Trí		2	1	3	6
9	Đảng bộ phường Hải Ninh		2		1	3
10	Đảng bộ phường Hoành Sơn		2		1	3
11	Đảng bộ phường Vũng Áng		2		1	3
12	Đảng bộ P Bắc Hồng Lĩnh	1	2		3	6
13	Đảng bộ P Nam Hồng Lĩnh		2		2	4
14	Đảng bộ xã Cẩm Bình		2		2	4
15	Đảng bộ xã Thạch Khê		2		1	3
16	Đảng bộ xã Đồng Tiến		2		1	3
17	Đảng bộ xã Thạch Lạc		2		1	3
18	Đảng bộ xã Kỳ Anh		2	1	2	5
19	Đảng bộ xã Kỳ Xuân	1	2		1	4
20	Đảng bộ xã Kỳ Hoa		2		1	3
21	Đảng bộ xã Kỳ Văn		2		1	3
22	Đảng bộ xã Kỳ Khang		2		1	3
23	Đảng bộ xã Kỳ Lạc		2		1	3
24	Đảng bộ xã Kỳ Thượng		2		1	3
25	Đảng bộ xã Cẩm Xuyên	1	2		3	6
26	Đảng bộ xã Thiên Cẩm		2		2	4
27	Đảng bộ xã Cẩm Duệ		2		2	4
28	Đảng bộ xã Cẩm Hưng		2		2	4
29	Đảng bộ xã Cẩm Lạc		2		2	4
30	Đảng bộ xã Cẩm Trung		2		1	3
31	Đảng bộ xã Yên Hòa		2		2	4
32	Đảng bộ xã Thạch Hà		2	1	3	6
33	Đảng bộ xã Toàn Lưu		2		2	4

TT	Tên đảng bộ trực thuộc	Đại biểu đương nhiên	Đại biểu phân bổ theo đơn vị trực thuộc	Đơn vị không có đại biểu đương nhiên và địa phương, ngành, lĩnh vực đặc thù	Đại biểu được phân bổ theo tỷ lệ Đảng viên	Tổng số đại biểu
34	Đảng bộ xã Việt Xuyên		2		2	4
35	Đảng bộ xã Đông Kinh		2		1	3
36	Đảng bộ xã Thạch Xuân		2		1	3
37	Đảng bộ xã Lộc Hà		2		2	4
38	Đảng bộ xã Hồng Lộc		2		1	3
39	Đảng bộ xã Mai Phụ		2		2	4
40	Đảng bộ xã Can Lộc		2	1	3	6
41	Đảng bộ xã Tùng Lộc		2		1	3
42	Đảng bộ xã Gia Hanh		2		2	4
43	Đảng bộ xã Trường Lưu		2		2	4
44	Đảng bộ xã Xuân Lộc		2		2	4
45	Đảng bộ xã Đồng Lộc	1	2		2	5
46	Đảng bộ xã Nghi Xuân		2		3	5
47	Đảng bộ xã Cổ Đạm		2		1	3
48	Đảng bộ xã Đan Hải		2		2	4
49	Đảng bộ xã Tiên Điền		2	1	2	5
50	Đảng bộ xã Đức Thọ		2	1	4	7
51	Đảng bộ xã Đức Đồng		2		1	3
52	Đảng bộ xã Đức Quang		2		2	4
53	Đảng bộ xã Đức Thịnh	1	2		3	6
54	Đảng bộ xã Đức Minh		2		1	3
55	Đảng bộ xã Hương Sơn		2	1	3	6
56	Đảng bộ xã Sơn Tây		2		1	3
57	Đảng bộ xã Tứ Mỹ		2		2	4
58	Đảng bộ xã Sơn Giang		2		1	3
59	Đảng bộ xã Sơn Tiến		2		2	4
60	Đảng bộ xã Sơn Hồng		2		1	3
61	Đảng bộ xã Kim Hoa		2		2	4
62	Đảng bộ xã Sơn Kim 1		2		1	3
63	Đảng bộ xã Sơn Kim 2		2		1	3
64	Đảng bộ xã Vũ Quang		2	1	2	5
65	Đảng bộ xã Mai Hoa		2		1	3
66	Đảng bộ xã Thượng Đức	1	2		1	4
67	Đảng bộ xã Hương Khê		2	1	3	6
68	Đảng bộ xã Hương Phố		2		1	3
69	Đảng bộ xã Hương Đô		2		1	3
70	Đảng bộ xã Hà Linh		2		1	3
71	Đảng bộ xã Hương Bình		2		1	3
72	Đảng bộ xã Phúc Trạch		2	1	1	4
73	Đảng bộ xã Hương Xuân		2		1	3

TT	Tên đảng bộ trực thuộc	Đại biểu đương nhiên	Đại biểu phân bổ theo đơn vị trực thuộc	Đơn vị không có đại biểu đương nhiên và địa phương, ngành, lĩnh vực đặc thù	Đại biểu được phân bổ theo tỷ lệ Đảng viên	Tổng số đại biểu
	Cộng	46	146	72	136	400

* Tổng số Đại biểu phân bổ: **400**

* Số đại biểu được phân bổ theo đảng viên: $400 - (46 + 146 + 72) = 136$

* Số Đảng viên/1 đại biểu: $101.684/136 = 747.676$

* Số đại biểu theo tỉ lệ đảng viên của từng đơn vị (Tổng số đảng viên/số đại biểu được phân bổ theo đảng viên*số đảng viên của từng đơn vị)

* Đảng bộ xã, phường được phân bổ tối thiểu 3 đại biểu.